

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh dự toán chi và mức bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh
cho ngân sách xã, phường sau sắp xếp năm 2025 đã phê duyệt tại
Nghị quyết số 512/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SON LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 33**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về việc sắp xếp các đơn vị hành
chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính
về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các
cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.*

*Xét đề nghị tại Tờ trình số 510/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025;
Báo cáo thẩm tra số 1168/BC-KTNS ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh
tế ngân sách và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi và mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp
trên cho ngân sách xã, phường sau sắp xếp năm 2025 đã phê duyệt tại Nghị
quyết số 512/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh, như sau:

1. Dự toán chi ngân sách các xã, phường năm 2025 sau điều chỉnh, số
tiền: 2.344.762,28 triệu đồng.

2. Mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã, phường
sau điều chỉnh, số tiền: 2.280.810,09 triệu đồng.

2.1. Mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã, phường
đến 30/6/2025 sau điều chỉnh, số tiền: 1.444.956,72 triệu đồng

2.2. Mức bổ sung cân đối còn lại từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các xã, phường sau điều chỉnh: 835.853,37 triệu đồng.

(Có 02 phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 33 thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin; VTLT tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, (150b).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG SAU SẮP XẾP NĂM 2025
ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 512/NQ-HĐND NGÀY 23/6/2025 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 537/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách đã phê duyệt	Dự toán điều chỉnh tăng	Trong đó					Dự toán sau điều chỉnh
				Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ	Vốn sự nghiệp NSTW CTMTQG 1719	Dự phòng NSTW hỗ trợ chi ĐTXCB	Vốn sự nghiệp đối ứng CTMTQG NTM	Vốn sự nghiệp NSTW CTMT NTM	
A	B	1	2=3+4+5+6+7	3	4	5	6	7	8=1+2
	TỔNG CỘNG	2.258.674,35	86.087,93	49.508,15	33.049,99	500,00	1.580,00	1.449,79	2.344.762,28
I	Các xã, phường thực hiện điều chỉnh	945.079,37	86.087,93	49.508,15	33.049,99	500,00	1.580,00	1.449,79	1.031.167,30
1	Phường Tô Hiệu	33.206,31	13.855,63	13.855,63					47.061,94
2	Phường Chiềng An	25.115,34	5.612,61	5.612,61					30.727,95
3	Phường Chiềng Cơi	24.765,03	12.447,60	12.447,60					37.212,63
4	Phường Chiềng Sinh	21.192,15	7.336,10	7.336,10					28.528,25
5	Xã Thuận Châu	76.817,51	8.371,77		6.771,77	500,00	1.100,00		85.189,28
6	Xã Chiềng La	42.446,88	2.709,82		2.229,82		480,00		45.156,70
7	Xã Bình Thuận	20.572,08	2.100,60		650,81			1.449,79	22.672,68
8	Xã Mường Khiêng	38.488,32	5.021,58		5.021,58				43.509,90
9	Xã Năm Lầu	47.999,63	1.747,26		1.747,26				49.746,89
10	Xã Muối Noi	30.448,22	2.210,72		2.210,72				32.658,94
11	Xã Co Ma	33.435,43	2.526,72		2.526,72				35.962,15
12	Xã Long He	20.682,95	1.099,70		1.099,70				21.782,65
13	Xã Mường Bám	11.847,96	4.203,30		4.203,30				16.051,26
14	Xã Mường É	32.918,72	2.088,31		2.088,31				35.007,03
15	Xã Yên Châu	75.330,98	1.699,02	1.699,02					77.030,00
16	Xã Chiềng Hắc	34.443,03	599,88	599,88					35.042,91
17	Phường Mộc Châu	23.613,99	925,65	925,65					24.539,64
18	Phường Mộc Sơn	14.950,68	494,64	494,64					15.445,32
19	Phường Thảo Nguyên	14.858,97	150,23	150,23					15.009,20
20	Xã Lóng Sập	18.839,23	566,64	566,64					19.405,87
21	Xã Đoàn Kết	21.552,28	430,23	430,23					21.982,51
22	Xã Chiềng Sơn	19.839,44	698,44	698,44					20.537,88
23	Xã Phù Yên	59.954,17	736,69	736,69					60.690,86
24	Xã Mường Cơi (1)	32.984,58	1.383,40	1.383,40					34.367,98
25	Xã Mường Bang	40.836,04	1.500,00		1.500,00				42.336,04
26	Xã Gia Phú	40.214,93	2.138,52	638,52	1.500,00				42.353,45
27	Xã Tường Hà	46.043,10	1.403,65	1.403,65					47.446,75
28	Xã Tân Phong	28.777,51	529,22	529,22					29.306,73
29	Xã Suối Tọ	12.903,91	1.500,00		1.500,00				14.403,91
II	Các xã, phường không điều chỉnh	1.313.594,98	-	-	-	-	-	-	1.313.594,98

(1) Định chỉnh tên xã đã giao tại Nghị quyết số 512/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh từ "Mường Thái" thành "Mường Cơi"



PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG VÀ MỨC BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN
CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG SAU SẮP XẾP NĂM 2025 ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 512/NQ-HĐND NGÀY 23/6/2025 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 537/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phần cấp	Chia ra		Mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên (dự toán đầu năm và bổ sung trong năm)	Thu chuyển nguồn ngân sách xã còn dư năm 2024 sang năm 2025 (trong dự toán)	Tổng chi ngân sách xã, phường sau sắp xếp (dự toán đầu năm và bổ sung trong năm)	Mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã, phường đến 30/6/2025 (dự toán đầu năm và bổ sung trong năm)	Mức bổ sung cân đối còn lại từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường sau sắp xếp
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7=2+5+6	8	9=5-8
	TỔNG SỐ	117.370,99	63.952,19	53.542,02	10.410,17	2.280.810,09	-	2.344.762,28	1.444.956,72	835.853,37
I	Các xã, phường thực hiện điều chỉnh	70.337,85	35.214,96	31.817,79	3.397,17	1.031.660,31	-	1.066.875,27	682.068,88	349.591,43
1	Phường Tô Hiệu	27.650,00	8.400,00	8.400,00		38.661,94		47.061,940	27.107,34	11.554,60
2	Phường Chiềng An	2.690,00	961,00	961,00		29.766,95		30.727,950	18.587,25	11.179,70
3	Phường Chiềng Cơi	3.266,00	1.225,50	1.225,50		35.987,13		37.212,630	24.794,53	11.192,60
4	Phường Chiềng Sinh	5.996,00	2.160,00	2.160,00		26.368,25		28.528,250	17.838,75	8.529,50
5	Xã Thuận Châu	3.371,00	1.721,00	1.721,00		83.468,28		85.189,280	60.033,58	23.434,70
6	Xã Chiềng La	71,00	71,00	71,00		45.085,70		45.156,700	30.191,88	14.893,82
7	Xã Bình Thuận	239,00	239,00	239,00		22.433,68		22.672,680	15.568,16	6.865,52
8	Xã Mường Khiêng	37,00	37,00	37,00		43.472,90		43.509,900	30.040,18	13.432,72
9	Xã Năm Lầu	19,00	19,00	19,00		49.727,89		49.746,890	36.271,96	13.455,93
10	Xã Muối Nọi	113,00	113,00	113,00		32.545,94		32.658,940	21.300,94	11.245,00
11	Xã Co Ma	57,00	57,00	57,00		35.905,15		35.962,150	23.700,78	12.204,37
12	Xã Long He	14,00	14,00	14,00		21.768,65		21.782,650	13.266,26	8.502,39
13	Xã Mường Băm	43,00	43,00	43,00		16.008,26		16.051,260	10.847,38	5.160,88
14	Xã Mường E	48,00	48,00	48,00		34.959,03		35.007,030	25.428,90	9.530,13
15	Xã Yên Châu	6.345,00	3.382,00	2.201,00	1.181,00	73.648,00		77.030,000	54.365,22	19.282,78
16	Xã Chiềng Hắc	749,00	749,00	749,00		34.293,91		35.042,910	19.283,83	15.010,08
17	Phường Mộc Châu	3.088,37	3.088,37	3.088,37		21.451,27		24.539,640	11.383,27	10.068,00
18	Phường Mộc Sơn	2.932,00	2.932,00	2.932,00		12.513,32		15.445,320	6.542,32	5.971,00
19	Phường Thảo Nguyên	1.844,01	1.844,01	1.844,01		13.165,19		15.009,200	6.811,19	6.354,00
20	Xã Lóng Sập	85,00	85,00	85,00		19.320,87		19.405,870	9.860,87	9.460,00
21	Xã Đoàn Kết	240,78	240,78	240,78		21.741,73		21.982,510	13.181,73	8.560,00
22	Xã Chiềng Sơn	870,70	870,70	870,70		19.667,18		20.537,880	11.559,38	8.107,80
23	Xã Phù Yên	7.284,00	3.650,60	1.724,43	1.926,17	57.040,26		60.690,860	37.093,25	19.947,01
24	Xã Mường Cơi	582,00	561,00	271,00	290,00	33.806,98		34.367,980	21.943,54	11.863,44
25	Xã Mường Bang	167,00	167,00	167,00	-	42.169,04		42.336,040	29.164,23	13.004,81
26	Xã Gia Phú	777,00	777,00	777,00		41.576,45		42.353,450	25.682,60	15.893,85
27	Xã Tượng Ha	148,00	148,00	148,00		47.298,75		47.446,750	33.423,82	13.874,93
28	Xã Tân Phong	95,00	95,00	95,00		29.211,73		29.306,730	19.243,03	9.968,70
29	Xã Suối Tô	25,00	25,00	25,00		14.378,91		14.403,910	9.156,97	5.221,94
30	Xã Quỳnh Nhai	1.491,00	1.491,00	1.491,00		34.216,97		35.707,970	18.395,74	15.821,23
II	Các xã, phường không điều chỉnh	47.033,13	28.737,23	21.724,23	7.013,00	1.249.149,78	-	1.277.887,01	762.887,84	486.261,94